

Bản án số: 415/2022/HS-PT  
Ngày 20 tháng 06 năm 2022.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Đức Phương.

*Các Thẩm phán:*

Bà Phạm Thị Duyên.

Bà Trần Thị Huyền Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Phước Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 06 năm 2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 122/2022/TLPT-HS ngày 21 tháng 02 năm 2022, đối với các bị cáo Huỳnh Văn L, Nguyễn Bá C, Phan Văn L1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Minh T phạm tội “Giết người”.

Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh T và các bị hại ông Trần Minh H2, ông Ngô Văn S đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2022/HS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh B Dương.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 294/2022/QĐPT-HS ngày 04 tháng 5 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Văn L sinh năm 1990 tại tỉnh Sóc Trăng.

Nơi cư trú: Ấp Trường Thành A, xã Trường Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn Lý và bà Trần Thị Chên; Có vợ là bà Trần Thị Kim Tuyền và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân Th: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 07/9/2020 đến nay (có mặt).

2. Nguyễn Bá C, sinh năm 1992 tại tỉnh Kiên Giang.

Nơi cư trú: Ấp Tân Hưng, xã Thạnh Đông, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Bá Luật (đã chết) và bà Nguyễn Thị Hoàng Yến; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân Th: Ngày 23/5/2020, Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Dĩ An xử phạt 03

năm 02 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” và “Hủy hoại tài sản”, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 178/2020/HS-ST ngày 23/5/2020; Bị bắt tạm giam trong vụ án khác ngày 11/7/2019 (có mặt).

3. Nguyễn Văn D, sinh năm 1986 tại tỉnh Bạc Liêu.

Nơi cư trú: Ấp Phước Thọ Tiền, xã Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Sại và bà Nguyễn Thị Bạc; Có vợ là bà Phạm Thị Thu và 02 con; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 10/10/2018, Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh B Dương xử phạt 08 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 149/2018/HS-ST ngày 11/10/2018; Bị bắt tạm giam từ ngày 30/8/2020 đến nay (có mặt).

Nhân Th: Ngày 23/02/2005, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục, trại giáo dưỡng về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”, theo Quyết định số 09 ngày 21/02/2005. Ngày 29/12/2009, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, theo Bản án hình sự phúc thẩm số 154/2009/HS-PT ngày 29/12/2009, chấp hành xong ngày 08/01/2011. Ngày 12/12/2013, Tòa án nhân dân huyện (nay là thị xã) Tân Uyên xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 178/2013/HS-ST ngày 12/12/2013, chấp hành xong ngày 19/5/2014.

4. Phan Văn L1, sinh năm 1997 tại tỉnh Kiên Giang.

Nơi cư trú: Ấp Tân Hòa B, xã Tân Hòa, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn Tạo và bà Dương Thị Huệ; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân Th: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 16/7/2019 đến nay (có mặt).

5. Nguyễn Văn N, sinh năm 1991 tại tỉnh Sóc Trăng.

Nơi cư trú: Ấp Ngãi Hội 1, thị trấn Đại N, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thảo Thuận và bà Trương Thị Bé Em; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam trong vụ án khác ngày 11/7/2019 (có mặt).

Nhân Th: Ngày 19/12/2019, Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh B Dương xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, theo Bản án số 230/2019/HS-ST ngày 19/12/2019. Ngày 23/5/2020, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh B Dương xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” và “Hủy hoại tài sản”. Tổng hợp hình phạt 01 năm 03 tháng tù tại Bản án số 230/2019/HS-ST ngày 19/12/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh B Dương, buộc Nguyễn Văn N chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 năm 09 tháng tù, theo Bản án số 178/2020/HS-ST ngày 23/5/2020.

6. Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Minh T, sinh ngày 13/03/2002 tại tỉnh B Dương.

Nơi cư trú: Tổ 1, khu phố Mỹ Hiệp, phường Thái Hòa, thị xã Tân Uyên, tỉnh B Dương; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Minh Trí và bà Tống Thị Mỹ N1; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân Th: Không; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

*Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Huỳnh Văn L, Nguyễn Bá C: Luật sư Đỗ H1 B, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).*

*Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Văn D, Phan Văn L1, Nguyễn Văn N: Luật sư Trịnh Bá Th, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).*

*Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh T: Luật sư Thái Thanh H1, Đoàn Luật sư tỉnh B Dương (có mặt).*

### **Bị hại có kháng cáo:**

1. Ông Trần Minh H2, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh B Dương.

2. Ông Ngô Văn S, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Xã Tân Hội, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

*Trong vụ án có người có quyền lợi N vụ liên quan nhưng không kháng cáo, cũng không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội Dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Nguyễn Minh T là con ruột của bà Tống Thị Mỹ N1. Bà N1 là chủ nhà trọ tên “Tống Thị Mỹ N1” tại tổ 01, khu phố Mỹ Hiệp, phường Thái Hòa, thị xã Tân Uyên, tỉnh B Dương. Huỳnh Văn L ở nhà trọ của ông Từ Quốc Dũng đối diện nhà trọ của bà N1. Phan Văn L1 và Huỳnh Vũ Thanh là em ruột của L cùng trọ tại phòng số 04 và 49 nhà trọ “Tống Thị Mỹ N1”. Nguyễn Bá C, Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn D với T, L, L1, Thanh là bạn với nhau.

Khoảng trưa ngày 04/4/2019, L, L1, C, N, T và D tổ chức ăn, uống bia trước khu vực nhà trọ của bà N1. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, L không uống rượu nữa mà về phòng trọ để chờ vợ tên Trần Thị Kim Tuyền đến quán bê thui “Cao Nguyên” thuộc phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh B Dương để ăn tối cùng em ruột là Thanh.

Tại quán, L, Tuyền và Thanh ngồi chung 01 bàn. Các ông Trần Minh H2, Ngô Văn S, Nguyễn Phú Toàn, Nguyễn Thành Tin và một người quen của H2 tên Liệt (không rõ nhân Th, lai lịch) ngồi bàn kế bên. Trong lúc ăn uống, L có ném cục xương xuống đất văng trúng chân nên S quay lại nói với L: “Mấy anh ăn

xương để gọn lại, mấy anh chọi trúng em bên đây này”. Nghe nói vậy thì L thách thức: “Tao thích thì tao chọi, mày muốn sao”. Lúc này thấy S và L cự cãi với nhau nên H2 đứng dậy, đi đến bàn mời L uống nửa ly bia để giải hòa.

Sau khi uống chung ly bia với H2 xong, L vẫn bức tức nên thanh toán tiền rồi chờ Tuyền về phòng trọ, Thanh cũng về phòng trọ của Thanh. L đến nhà trọ của bà N1 thì gặp và kể cho T, L1, N, C và D nghe sự việc mâu thuẫn, cự cãi với H2, S tại quán bê thui “Cao Nguyên”; Đồng thời, L rủ T, L1, N, C và D đến quán bê thui “Cao Nguyên” để đánh H2, S thì tất cả đồng ý.

Thực hiện ý định trên, L đi vào phòng trọ số 49 của Thanh, lấy một cây dao tự chế bằng kim loại (mã tấu) dài khoảng 50cm làm hung khí và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Mio, màu trắng, biển số 83P2 – 317.57 của Thanh đang dựng trước phòng trọ chờ L1. L để cây mã tấu ở bara trước xe mô tô. N chờ D bằng xe mô tô không rõ biển số (xe của D); T chờ C bằng xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, màu xanh đen, biển số 61E1-672.62 của T. C đem 01 dao bấm bằng kim loại dài khoảng 10 cm bỏ vào túi quần jean bên phải.

Tất cả cùng đi đến quán bê thui “Cao Nguyên”. Lúc đến quán, L dừng xe trước quán rồi cầm mã tấu chạy đến vị trí S, H2, Toàn và Tín đang ngồi và dùng mã tấu chém 01 nhát vào vùng lưng của S nhưng không trúng. S đứng dậy bỏ chạy thì bị L chém tiếp nhát thứ hai trúng vào cẳng tay phải. H2 nhìn thấy nên xông vào can ngăn thì bị L dùng mã tấu chém liên tiếp 03 nhát vào vùng đầu, mặt nhưng chỉ trúng 01 nhát vào mặt của H2. Lúc này, C chạy tới rút 01 con dao bấm trong túi quần bên phải ra đâm 01 nhát vào vùng lưng của H2 nhưng không trúng và tiếp tục dùng dao đâm 01 nhát trúng ngực trái của H2. L1 lấy 01 chai bia ở gần đó giơ L1 đe dọa Toàn, S, Tín. T xông vào lấy 01 chai bia ở bàn gần đó ném xuống nền nhà rồi dùng ghế nhựa tại quán đánh 03 cái trúng vào người và đầu của H2. D dùng chân đạp vào người H2 01 cái. Toàn thấy H2 bị đánh nên can ngăn thì bị N dùng ghế nhựa đánh 05 cái trúng vào lưng, ngực. Riêng Tín và Liệt không bị L và đồng bọn đánh nên không bị thương tích gì.

Sau khi chém, đâm, đánh H2, S, Toàn thì L cùng đồng phạm điều khiển xe mô tô tẩu thoát khỏi hiện trường. H2, S bị thương được Toàn, Tín và Liệt đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh B Dương.

Ngày 05/4/2019, Nguyễn Minh Tuấn là em ruột của H2 đến Công an phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh B Dương trình báo sự việc trên.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, màu xanh đen, biển số 61E1-672.62; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Mio, màu trắng, biển số 83P2 – 317.57; 01 (một) áo thun đỏ ngắn tay, không có cổ áo; 01 (một) áo thun màu vàng ngắn tay, có cổ áo màu xanh; 01 (một) áo thun màu xanh, ngắn tay, có cổ áo; 01 (một) quần jean lưng màu xám đen; 01 (một) quần jean dài màu xanh đen; 01 (một) quần kaki lưng, màu xanh đen.

Đối với dao bấm dài khoảng 10 cm bằng kim loại là hung khí mà C dùng để gây án và cây mã tấu mà L dùng để chém S và H2. Quá trình điều tra L, C khai: Sau khi gây án, trên đường tẩu thoát khỏi hiện trường, C, L đã ném bỏ trên

đường, không nhớ địa điểm ném. Do không xác định được vị trí C, L ném bỏ hung khí gây án nên Cơ quan C sát điều tra Công an tỉnh B Dương không thu giữ được.

Tại Kết luận giám định Pháp y về thương tích số 211/2019/GDPY ngày 24/5/2019 của Trung tâm Pháp y – Sở Y tế tỉnh B Dương đối với bị hại Trần Minh H2, kết luận:

(1) Tỷ lệ tổn thương cơ thể của từng thương tích:

Vết thương trán trái (2,5 x 0,1) cm, sẹo lành.

Được xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể là 03% (Ba phần trăm).

Vết thương ngực trái (1,5 x 0,1) cm, thấu ngực, bụng: Thủng mặt trước Th dạ dày, thủng cơ hoành, đã phẫu thuật khâu lỗ thủng dạ dày + khâu cơ hoành, dẫn lưu màng phổi trái, sẹo lành. Được xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể là 45%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên (tính theo phương pháp cộng lùi) hiện tại là: 47% theo bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư số 20/2014/TT-BYT do Bộ Y tế ban hành ngày 12/6/2014.

(2) Cơ chế hình thành vết thương:

Vết thương trán trái: Sẹo nằm ngang hơi chệch xuống từ pH1 sang trái, hướng từ trước ra sau, bờ sắc gọn, khả năng do vật sắc gây ra.

Vết thương ngực trái đường nách trước, thấu ngực – bụng thủng mặt trước Th dạ dày, thủng cơ hoành: Sẹo nằm ngang chệch L1 từ pH1 sang trái, đầu trước tù, đầu trên nhọn, bờ sắc gọn, khả năng do vật sắc nhọn gây ra.

Bản Kết luận giám định Pháp y về thương tích số 221/2019/GDPY ngày 03/6/2019 của Trung tâm Pháp y – Sở Y tế tỉnh B Dương đối với Ngô Văn S, kết luận như sau:

(1) Tỷ lệ tổn thương cơ thể của từng thương tích: vết thương bờ trong 1/3 dưới cẳng tay pH1 (2 x 2) cm, sẹo lành. Được xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể là 02% (hai phần trăm); chấn thương đau ngực pH1 đã lành. Được xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể là 00% (không phần trăm). Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên (tính theo phương pháp cộng lùi) hiện tại là: 02% (hai phần trăm) theo bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư số 20/2014/TT-BYT do Bộ Y tế ban hành ngày 12/6/2014.

(2) Cơ chế hình thành vết thương:

Vết thương bờ trong 1/3 dưới cẳng tay pH1: chiều từ trên xuống, hướng từ trái sang pH1, bờ sắc gọn, khả năng do vật sắc gây ra. Chấn thương đau ngực pH1: hiện đã lành, không xác định được cơ chế hình thành vết thương.

Đối với thương tích của Nguyễn Phú Toàn chỉ bị xây sát nhẹ, quá trình điều tra, Toàn từ chối giám định thương tích và không yêu cầu xử lý hình sự nên Cơ quan C sát điều tra Công an tỉnh B Dương không xử lý.

Đối với hành vi của Huỳnh Văn L dùng mã tấu chém trúng vào tay của Ngô Văn S, gây thương tích 02%. Quá trình điều tra, ngày 25/7/2019, S có đơn rút yêu

cầu khởi tố vụ án hình sự nên Cơ quan C sát điều tra Công an tỉnh B Dương không khởi tố tội Cố ý gây thương tích đối với L, L1, N, C, T và D.

Đối với Huỳnh Vũ Thanh, sau khi xảy ra vụ án thì Thanh bỏ đi khỏi nơi tạm trú, cũng không về sống ở nơi đăng ký thường trú, hiện nay không biết Thanh sinh sống ở đâu nên Cơ quan C sát điều tra Công an tỉnh B Dương chưa làm việc được nên không có đủ căn cứ kết luận có liên quan đến vụ án.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Mio, màu trắng, biển số 83P2 – 317.57, số máy: 5WB600733; số khung: RLLM5WB605Y000733 là xe mô tô của Huỳnh Vũ Thanh sử dụng, ngày 04/4/2019, L dùng làm phương tiện thực hiện tội phạm. Qua tra cứu, xác định người đứng tên đăng ký chủ sở hữu là Nguyễn Thanh Tuấn (sinh năm 1985, HKTT ở ấp Trường Thành B, xã Trường Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng). Tuấn đã bán chiếc xe mô tô trên cho một người môi giới mua bán xe vào năm 2016. Do hiện nay chưa xác định được vai trò của Thanh có đồng phạm với L hay không nên Cơ quan C sát điều tra Công an tỉnh B Dương tiếp tục tạm giữ chiếc xe mô tô biển số 83P2 – 317.57 để tiếp tục làm rõ, xử lý sau.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Vario, màu xanh đen, biển số 61E1-672.62, số khung: KF11E2386952, số máy: MH1KF1124HK386574 do bà Tổng Thị Mỹ N1 là mẹ ruột của Nguyễn Minh T đứng tên chủ sở hữu. Ngày 04/4/2019, T sử dụng xe mô tô trên thực hiện tội phạm, bà N1 không biết. Do vậy, ngày 08/8/2019 Cơ quan C sát điều tra Công an tỉnh B Dương Quyết định xử lý vật chứng số 129 trả lại chiếc xe mô tô biển số 61E1-672.62 cho bà N1.

Đối với chiếc xe mô tô mà D dùng để chở N đi thực hiện tội phạm, qua điều tra, D khai: Chiếc xe mô tô trên là xe lắp ráp (không nhớ biển số); D mua chiếc xe mô tô trên của một người môi giới (không rõ nhân Th lai lịch) vào năm khoảng đầu năm 2019. Sau khi gây án và trong thời gian bỏ trốn, do không có tiền tiêu xài nên D đã bán chiếc xe cho một người môi giới mua bán xe khác (không rõ nhân Th lai lịch người mua xe) với giá 2.000.000 đồng.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2022/HS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh B Dương, quyết định:*

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Văn L, Nguyễn Bá C, Phan Văn L1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Minh T phạm tội “Giết người” (thuộc trường hợp chưa đạt).

#### 1. Về hình phạt:

1.1. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, Điều 15, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38 và 57 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn L 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/9/2020.

Xử phạt bị cáo Phan Văn L1 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/7/2019.

1.2. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, Điều 15, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; các Điều 38 và 57 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/8/2020.

1.3 Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, Điều 15, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 57 Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá C 10 (mười) năm tù về tội “Giết người”.

Tổng hợp với hình phạt 03 (ba) năm 02 (hai) tháng tù về các tội “Gây rối trật tự công cộng” và “Hủy hoại tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 178/2020/HS-ST ngày 23/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, buộc bị cáo Nguyễn Bá C pH1 chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án là 13 (mười ba) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

1.4. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, Điều 15, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 55, 56, 57 và 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 06 (sáu) năm tù về tội “Giết người”.

Tổng hợp với hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về về các tội “Gây rối trật tự công cộng” và “Hủy hoại tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 178/2020/HS-ST ngày 23/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An và hình phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tại Bản bản án hình sự sơ thẩm số: 230/2019/HS-ST ngày 19/12/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên. Buộc bị cáo Nguyễn Văn N pH1 chấp hành hình phạt chung của cả 03 bản án là 09 (chín) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

1.5. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, Điều 15, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 57, 38, 101 và 102 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 21/01/2022, bị cáo Nguyễn Minh T kháng cáo cho rằng bị cáo không phạm tội “Giết người” mà chỉ phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Các ngày 19 và 21/01/2022, bị hại ông Trần Minh H2 và ông Ngô Văn S kháng cáo đề nghị Tòa án xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” và giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo trong vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T giữ nguyên kháng cáo. Bị hại ông Trần Minh H2, ông Ngô Văn S thay đổi nội dung kháng cáo, chỉ đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo.

Bị cáo T trình bày: Xác định bản án sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng hành vi phạm tội, cụ thể: Trong lúc L đánh bị hại thì T có dùng ghế nhựa tại quán đánh 03 cái trúng vào người và đầu của anh H2. Tuy nhiên, bị cáo và anh H2 không có mâu thuẫn, bị cáo hoàn toàn không có mục đích giết anh H2 nhưng Tòa án xét xử bị cáo về tội “Giết người” là không đúng. Bị cáo chỉ phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích”, không phải là tội “Giết người” và giảm hình phạt cho bị cáo.

Bị hại ông Trần Minh H2, ông Ngô Văn S thống nhất trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Giết người” là đúng. Vì vậy, ông H2, ông S thay đổi kháng cáo, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho tất cả các bị cáo.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:*

Tại phiên tòa, bị hại thay đổi kháng cáo, chỉ yêu cầu Tòa án xem xét giảm hình phạt cho các bị cáo nên được chấp nhận.

Hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa có căn cứ xác định: Bị cáo L là người rủ các bị cáo khác đi đánh bị hại. Trước khi đi, L mang theo mã tấu, mọi bị cáo đều biết. Khi tới quán “Cao Nguyên” thì L đã dùng mã tấu chém liên tiếp vào người anh S, anh H2, C dùng dao đâm vào vùng ngực của anh H2. Đồng thời, các bị cáo khác cũng xông vào đánh bị hại. Sau khi gây án, các bị cáo bỏ mặc nạn nhân đang bị thương tích tại hiện trường. Việc anh H2 không chết là do được cấp cứu kịp thời.

Trong vụ án này, bị cáo L, C trực tiếp gây ra thương tích cho bị hại. Các bị cáo khác đã tiếp nhận ý chí cùng thực hiện hành vi phạm tội nên Tòa án cấp sơ thẩm đã cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo, xác định bị cáo T, D, L1, N có vai trò đồng phạm tội “Giết người” là có căn cứ.

Bị cáo T kháng cáo nhưng không có căn cứ chứng minh. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng, đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo nên hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo T và các bị hại Trần Minh H2, Ngô Văn S, giữ nguyên bản án sơ thẩm

Người bào chữa cho bị cáo T trình bày:

Bị cáo T hoàn toàn không mâu thuẫn với bị hại, việc C, L mang theo dao, mã tấu thì bị cáo không biết, cũng không biết các bị cáo này đâm, chém bị hại. Sau khi bị hại bị thương thì vẫn nói chuyện B thường, hoàn toàn không có việc dùng hung khí để chống trả các bị cáo, cũng không tri hô mọi người can ngăn. Hậu quả việc đánh nhau thì các bị hại chỉ bị thương tích nên bị cáo T chỉ phạm tội “Cố ý gây thương tích”, không phải phạm tội “Giết người”. Đề nghị Hội



đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo T và các bị hại Trần Minh H2, Ngô Văn S, sửa bản án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo T thống nhất nội Dung bào chữa của Luật sư.

Người bào chữa cho bị cáo L, C trình bày: Tại phiên tòa, các bị cáo C, L đã thừa nhận hành vi phạm tội, thể hiện bị cáo nhận thấy hành vi phạm tội của mình nên đã không kháng cáo. Tuy nhiên, các bị hại chỉ bị thương tích nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị hại, sửa bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo L1, D, N trình bày: Bị cáo D, L1 chỉ có vai trò đồng phạm giúp sức không đáng kể, không gây thương tích cho các bị hại. Bị cáo N có hành vi đánh anh Toàn là người vào can ngăn, không phải là bị hại trong vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị hại, giảm hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

*Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bị cáo Nguyễn Minh T và các bị hại Trần Minh H2 và Ngô Văn S kháng cáo đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Trong quá trình điều tra, bà Tống Thị Mỹ N1 đã bồi thường chi phí điều trị thương tích và tiền tổn thất tinh thần cho bị hại Trần Minh H2 117.000.000 đồng; bồi thường chi phí điều trị thương tích cho Ngô Văn S 10.000.000 đồng. Ông Phan Văn Tạo là cha ruột của Phan Văn L1 đã bồi thường chi phí điều trị thương tích cho Trần Minh H2 25.000.000 đồng; bồi thường cho Ngô Văn S 5.000.000 đồng. Ông H2 và ông S không có yêu cầu gì thêm. Đồng thời, tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại không yêu cầu gì khác nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét phân trách nhiệm dân sự là đúng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị hại cũng chỉ kháng cáo đề nghị chuyển tội danh đối với các bị cáo từ tội “Giết người” sang tội “Cố ý gây thương tích”, không kháng cáo phân trách nhiệm dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét phân trách nhiệm dân sự của bị cáo.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội Dung bản án sơ thẩm đã nêu nhưng cho rằng hành vi phạm tội của bị cáo chỉ cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại xét xử về tội “Giết người” là không đúng.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo thấy rằng:

[3.1] Xuất phát từ mâu thuẫn giữa Huỳnh Văn L và ông Ngô Văn S tại quán ăn “Cao Nguyên” nên L mới về phòng trọ của Thanh để rủ các bị cáo C, L1, N, T

và D cùng đến quán để đánh nhau với nhóm người của ông S. Trước khi đi, L đã chuẩn bị 01 cây mã tấu tự chế (dài khoảng 50cm), C đem 01 dao bấm bằng kim loại dài khoảng 10cm làm hung khí. L điều khiển xe mô tô của Thanh chở L1, N điều khiển xe mô tô của D chở D, T điều khiển xe mô tô của mình chở C cùng đến quán ăn “Cao Nguyên”. Đến nơi, L cầm mã tấu chạy đến vị trí S, H2, Toàn và Tín đang ngồi và chém ông S 02 nhát, trong đó có 01 nhát trúng vào cẳng tay pH1 của ông S. Mặc dù được can ngăn nhưng L vẫn dùng mã tấu chém liên tiếp 03 nhát vào vùng đầu, mặt ông H2. Lúc này, C chạy tới dùng dao bấm đâm ông H2 02 nhát, trong đó có 01 nhát trúng ngực trái của H2. T xông vào lấy 01 chai bia ở bàn gần đó ném xuống nền nhà, rồi dùng ghế nhựa tại quán đánh 03 cái trúng vào người và đầu của H2. D dùng chân đạp vào người H2 01 cái. N dùng ghế nhựa đánh 05 cái trúng vào lưng, ngực của Toàn. L1 lấy 01 chai bia ở gần đó giơ L1 đe dọa Toàn, S, Tín.

[3.2] Như vậy, L, C bị xét xử về tội “Giết người” là có căn cứ. Các bị cáo T, N, D và L1 biết rõ bị cáo L mang theo hung khí nguy hiểm đi tìm đánh bị hại S nhưng vẫn đồng ý đi cùng. Trong khi L, C dùng hung khí tấn công bị hại thì các bị cáo này đã có hành vi dùng ghế nhựa, dùng chân cùng đánh các bị hại, dùng chai bia dọa đánh những người can ngăn tại quán. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định hành vi của các bị cáo là đồng phạm với L, C về tội “Giết người” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3.3] Vì vậy, kháng cáo của bị cáo T và kháng cáo của bị hại Trần Minh H2 và Ngô Văn S cho rằng các bị cáo T, N, D và L1 chỉ phạm tội “Cố ý gây thương tích” là không có căn cứ.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Giết người” thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt là đúng quy định tại điểm n, khoản 1, Điều 123 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Khi lượng hình, Tòa án đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là đúng pháp luật. Tại phiên tòa, bị cáo T và các bị hại cũng không cung cấp tình tiết mới chứng minh. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T và các bị hại ông H2, ông S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo T pH1 chịu án phí phúc thẩm. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh T.

2. Không Chấp nhận kháng cáo của các bị hại ông Trần Minh H2 và ông Ngô Văn S.

3. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2022/HS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh B Dương.

4. Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Văn L, Nguyễn Bá C, Phan Văn L1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Minh T phạm tội “Giết người” (thuộc trường hợp chưa đạt).

5. Về hình phạt:

5.1. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, Điều 15, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Các Điều 38 và 57 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn L 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/9/2020.

Xử phạt bị cáo Phan Văn L1 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/7/2019.

5.2. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, Điều 15, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Các Điều 38 và 57 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/8/2020.

5.3 Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, Điều 15, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 57 Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá C 10 (mười) năm tù về tội “Giết người”.

Tổng hợp với hình phạt 03 (ba) năm 02 (hai) tháng tù về các tội “Gây rối trật tự công cộng” và “Hủy hoại tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 178/2020/HS-ST ngày 23/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, buộc bị cáo Nguyễn Bá C pH1 chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án là 13 (mười ba) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

5.4. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, Điều 15, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Các Điều 55, 56, 57 và 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 06 (sáu) năm tù về tội “Giết người”.

Tổng hợp với hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về về các tội “Gây rối trật tự công cộng” và “Hủy hoại tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 178/2020/HS-ST ngày 23/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An và hình phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tại Bản bản án hình sự sơ thẩm số: 230/2019/HS-ST ngày 19/12/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên. Buộc bị cáo Nguyễn Văn N pH1 chấp hành hình phạt chung của cả 03 bản án là 09 (chín) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

5.5. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, Điều 15, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Các Điều 57, 38, 101 và 102 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Tiếp tục giam các bị cáo Huỳnh Văn L, Nguyễn Bá C, Phan Văn L1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn N để bảo đảm thi hành án.

6. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Minh T pH1 chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh B Dương;
- VKSND tỉnh B Dương;
- Cục THADS tỉnh B Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh B Dương;
- Công an tỉnh B Dương;
- Lưu: VP (3), Hồ sơ (2), (án BĐA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Đức Phương**